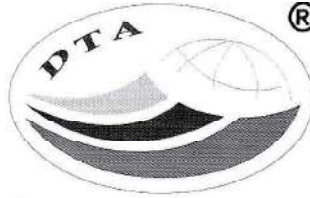


CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---oOo---



Hoàn Thiện Giá Trị Cuộc Sống

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

(Sửa đổi bổ sung lần thứ 3 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ
số 13/4/2023/NQ - ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023)

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2023

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Đối tượng và Phạm vi điều chỉnh.

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Đệ Tam áp dụng khi Công ty cổ phần Đệ Tam niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Quy chế này được xây dựng theo quy định của:

a) Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

b) Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn

c) Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;

d) Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

e) Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đệ Tam.

2. Quy chế này quy định chi tiết về hoạt động quản trị Công ty đối với Công ty cổ phần Đệ Tam, bao gồm hoạt động của:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị;
- Ban điều hành, thành viên Ban điều hành;
- Ban kiểm soát; Kiểm soát viên;
- Giao dịch với người có liên quan;
- Báo cáo và công bố thông tin.

nhằm tuân thủ đúng và đầy đủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty và các văn bản khác về quản trị Công ty, bảo vệ lợi ích của Công ty, quyền lợi chính đáng của cổ đông trong quá trình hoạt động của Công ty.

Điều 2 : Giải thích từ ngữ.

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

a) “Quản trị Công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ

đồng và những người liên quan đến Công ty.

b) “Công ty”: là Công ty Cổ phần Đệ Tam.

c) “Điều lệ”: là Điều lệ của Công ty, bao gồm mọi sửa đổi được phê chuẩn hợp lệ tại từng thời điểm.

d) “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty.

e) “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “ĐHĐCĐ”: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan cao nhất của Công ty.

f) “Cổ đông lớn”: là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

g) “Hội đồng quản trị” hoặc “HĐQT”: là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và chịu trách nhiệm quản lý Công ty vì các quyền lợi hợp pháp của cổ đông.

h) “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên không phải là Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

i) “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị”: (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc ở vị trí cán bộ quản lý cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc ở vị trí cán bộ quản lý cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là cán bộ quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

j) “Ban kiểm soát” hoặc “BKS”: là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát HĐQT và cán bộ quản lý trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

k) “Người quản lý”: là người quản lý Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

và cá nhân giữ chức danh quản lý khác Hội đồng quản trị bổ nhiệm có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty. Quy định này không bao gồm người được ủy quyền xử lý công việc theo sự vụ do Tổng Giám đốc ủy quyền.

1) “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46, Điều 4 của Luật Chứng khoán, cụ thể như sau:

- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con, con nuôi, con dâu, con rể, anh, chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân;
- Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm (10%) số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
- Công ty mẹ, Công ty con;
- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị Công ty.

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả.
- Đảm bảo quyền lợi của Cổ đông.
- Đối xử công bằng giữa các Cổ đông.
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
- Minh bạch trong Công ty.
- HĐQT và BKS lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ

Điều 4. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty có quyền quyết định và thông qua đối với những vấn đề sau đây:

- a) Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- b) Báo cáo của Ban kiểm soát;
- c) Định hướng kế hoạch phát triển của Công ty;
- d) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

- e) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
- f) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- g) Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;
- h) Bầu, miễn nhiệm (trừ trường hợp hết nhiệm kỳ), bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- i) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- k) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- l) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- m) Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) và chỉ định người thanh lý;
- n) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông;
- o) Quyết định đầu tư hoặc các giao dịch bán tài sản Công ty hoặc Chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- q) Quyết định việc Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Điều 167.1 Luật doanh nghiệp với giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- r) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- s) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 5. Các thể thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông thực hiện quyền quyết định đối với các nội dung thông qua 02 thể thức:

- a) Biểu quyết hoặc bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu cuộc họp được tổ chức theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến nếu họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến như quy định tại khoản 1 Điều 14 của Điều lệ Công ty;

b) Biểu quyết bằng văn bản thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 6. Hội Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty và đảm bảo các nội dung sau:

a) Công ty cố gắng tối đa, và trong khả năng cho phép, áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm hướng dẫn cổ đông đăng ký tham gia họp, bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và hướng dẫn thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tại từng thời điểm họp;

b) Tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty; công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

c) Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

d) Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm theo quy định của Luật doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản;

e) Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập và Luật sư dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản, có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Biên bản họp ĐHĐCĐ, danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 7. Xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản.

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty và theo quy định tại Điều lệ Công ty. Ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo điều Điều 22 Điều lệ Công ty (quy định về thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông), cụ thể:

a) Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số Doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức hoặc họ; tên, địa chỉ liên lạc,

quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến: đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

2. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông đối với hoạt động của Đại hội đồng cổ đông.

1. Tham gia Đại hội thường niên và bất thường.

a) Các Cổ đông và người nhận ủy quyền của Cổ đông tham dự Đại hội phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông để tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường trước khi vào phòng họp. Quá trình thực hiện đăng ký, Cổ đông và người nhận ủy quyền của Cổ đông tham dự đại hội phải xuất trình bản chính các giấy tờ tài liệu hợp lệ gồm: Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu hoặc Bản sao giấy đăng ký kinh doanh, Thư mời và Giấy ủy quyền phù hợp quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty (trong trường hợp được ủy quyền).

b) Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.

c) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự Đại hội đồng cổ đông sau khi khai mạc Đại hội có quyền đăng ký Cổ đông tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết tại Đại hội đối với các nội dung chưa thực hiện biểu quyết, kết quả của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó được giữ nguyên và tính trên số lượng cổ phần của Cổ đông có mặt tại thời điểm biểu quyết.

d) Trường hợp Cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban tổ chức và/hoặc không nộp lại phiếu biểu quyết cho Ban kiểm phiếu thì Cổ đông đó coi như không biểu quyết tại Đại hội và số phiếu này không được tính phiếu biểu quyết.

2. Tham gia lấy ý kiến bằng văn bản.

Cổ đông tham gia lấy ý kiến bằng văn bản xác nhận việc đã nhận được tài liệu thông qua việc xác nhận nhận bưu phẩm của Công ty;

Cổ đông tham gia lấy ý kiến gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo hình thức Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không được mở trước khi kiểm phiếu;

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở, qua fax hoặc thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

Điều 9. Phương thức bỏ phiếu và kiểm phiếu.

1. Hội Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường

a) Mỗi Cổ đông, đại diện Cổ đông đến dự Đại hội sẽ được phát “Phiếu biểu quyết” có ghi mã số của Cổ đông/đại diện Cổ đông và số cổ phần mà Cổ đông sở hữu và/hoặc đại diện và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng. Phiếu biểu quyết dùng để biểu quyết các nội dung cần được thông qua tại Đại hội.

b) Phiếu biểu quyết có in sẵn danh mục các nội dung được biểu quyết tại Đại hội và các phương án biểu quyết để Cổ đông lựa chọn gồm: “Tán thành”; “Không tán thành” và “Không có ý kiến” đối với từng vấn đề được biểu quyết. Phiếu biểu quyết được đóng dấu tròn của Công ty ở phía trên, đóng dấu giáp lai giữa các tờ trong trường hợp phiếu biểu quyết có từ 02 tờ trở lên. Cổ đông sẽ đánh dấu (X) một lần cho một nội dung biểu quyết.

c) Việc biểu quyết và kiểm phiếu có thể được thực hiện bằng phần mềm máy tính. Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chịu trách nhiệm tiến hành kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

d) Việc kiểm phiếu thông qua Ban kiểm phiếu do Đại hội bầu. Thành viên Ban kiểm phiếu nhất thiết không phải là ứng cử viên hoặc thành viên được đề cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty.

e) Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc biểu quyết kết thúc và được tiến hành ở một phòng riêng có sự giám sát của đại diện Cổ đông hoặc đại diện Đoàn chủ tịch.

f) Trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông nắm giữ trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên gửi cho Công ty trước khi tổ chức đại hội, Công ty phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu. Tổ chức trung lập được mời kiểm phiếu là tổ chức không có liên quan với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán

trường hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến các nội dung Đại hội đồng cổ đông đang thảo luận.

g) Trước khi mở hòm phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập Biên bản, ghi rõ số phiếu thu về trên tổng số phiếu phát ra, tổng số phiếu thu về được coi là số phiếu bầu dùng để tính tỷ lệ đồng ý hoặc không đồng ý của cổ đông đối với nội dung cần biểu quyết và niêm phong số phiếu không dùng đến, công bố nội dung này với Đại hội đồng cổ đông trước khi kiểm phiếu. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, ghi rõ kết quả kiểm phiếu; Biên bản kiểm phiếu phải có đầy đủ chữ ký xác nhận của các thành viên trong Ban kiểm phiếu.

h) Kết quả biểu quyết được đại diện Ban kiểm phiếu thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho Cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua website của Công ty hoặc phương thức khác (đối với các vấn đề có liên quan đến bí mật hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty) do Đại hội đồng cổ đông có quyết định.

i) Mức thông qua đối với kết quả biểu quyết hoặc bỏ phiếu cụ thể như sau:

- Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông trở lên chấp thuận (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):
 - + Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - + Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - + Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - + Sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - + Quyết định đầu tư hoặc các giao dịch bán tài sản Công ty hoặc Chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - + Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 51 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) đối với các vấn đề còn lại thuộc thẩm quyền quyết định và thông qua của Đại hội đồng cổ đông.
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi

quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

j) Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết để tính tỷ lệ biểu quyết hoặc bỏ phiếu thông qua trong đại hội được tính như sau:

- Việc kiểm phiếu sẽ được ban kiểm phiếu thực hiện bằng cách giơ tay biểu quyết hoặc trực tiếp đếm số cổ phần trên Phiếu biểu quyết (nếu có nội dung nào cần lấy ý kiến tại chỗ bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết) và kiểm Phiếu biểu quyết (đối với các nội dung nằm trong chương trình Đại hội). Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra ý kiến tán thành trước, sau đó kiểm tra ý kiến không tán thành và sau cùng kiểm tra các cổ đông không ý kiến và báo cáo Đại hội.
- Các Phiếu biểu quyết đã phát ra nhưng không được nộp lại thì được coi là các Phiếu biểu quyết không hợp lệ và bị trừ ra khỏi tổng số phiếu khi tính kết quả biểu quyết cho các nội dung biểu quyết liên quan.
- Phiếu biểu quyết hợp lệ khi hội đủ các điều kiện sau đây:
 - + Phiếu do Ban tổ chức Đại hội phát ra theo mẫu in sẵn có đóng dấu treo của Công ty.
 - + Ứng với từng nội dung biểu quyết không bị tẩy xóa, sửa chữa, có thể xác định được ý kiến biểu quyết: Hoặc Tán thành; Hoặc Không tán thành; Hoặc Không có ý kiến (Phiếu trắng cũng được xem là phiếu không hợp lệ) đối với từng nội dung đó.
- Phiếu không hợp lệ là phiếu không hội đủ các điều kiện của Phiếu hợp lệ.

k) Mọi Cổ đông đều có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề có liên quan đến nội dung biểu quyết. Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết chỉ được xem xét ngay tại Đại hội. Trường hợp có khiếu nại, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

2. Lấy ý kiến bằng văn bản.

a) Việc bỏ phiếu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 8 Quy chế này thông qua hình thức gửi thư;

b) Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty;

c) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Doanh nghiệp;

- Mục đích và Các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua Nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

d) Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

e) Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán;

f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để ứng cử, đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên;

b) Từ 20% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;

c) Từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên;

d) Từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên;

e) Từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên;

f) Từ 60% (sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên;

g) Từ 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên theo quy định.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Tiêu chí ứng viên do Hội đồng quản trị đề cử theo tiêu chuẩn quy định về ứng viên làm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty.

Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng, phải theo các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ngày gửi tài liệu xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

4. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ;
- c) Quá trình công tác
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- f) Họ, tên của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- g) Các thông tin khác (nếu có).

Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị:

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác. Một cá nhân chỉ được bầu

làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Điều 12. Cách thức bầu thành viên HĐQT.

1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Mỗi Cổ đông/đại diện Cổ đông đến dự Đại hội hoặc tham gia việc lấy ý kiến bằng văn bản sẽ được phát một “Phiếu bầu cử Hội đồng quản trị” có ghi mã số của Cổ đông/đại diện Cổ đông và số cổ phần mà Cổ đông sở hữu và/hoặc đại diện. Phiếu bầu cử dùng để biểu quyết bầu Hội đồng quản trị. Phiếu bầu cử có in sẵn danh sách các ứng cử viên và được đóng dấu Công ty ở phía trên.

a) Phiếu bầu cử hợp lệ khi có đủ các yếu tố sau:

- Phiếu do Ban tổ chức Đại hội phát hành;
- Phiếu bầu tối đa hoặc bầu từ một đến tối đa số thành viên Hội đồng quản trị, trong danh sách đề cử và/hoặc ứng cử đã được Đại hội thông qua;
- Phiếu không tẩy xóa, sửa chữa nội dung (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới và huỷ phiếu cũ).

b) Phiếu bầu cử không hợp lệ khi có một trong các yếu tố sau:

- Phiếu không phải do Ban tổ chức Đại hội phát hành;
- Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- Phiếu bầu quá số thành viên Hội đồng quản trị quy định hoặc không bầu ai trong danh sách ứng cử và/hoặc đề cử đã được Đại hội thông qua;
- Phiếu có tên những người ngoài danh sách ứng cử và/hoặc đề cử đã được Đại hội thông qua.

c) Các phiếu bầu cử không hợp lệ sẽ không có giá trị khi kiểm phiếu.

3. Phương thức bầu cử:

a) Mỗi Cổ đông có tổng số phiếu bầu cử tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

b) Khi được phát Phiếu bầu cử, Cổ đông/đại diện Cổ đông phải kiểm tra lại tổng số cổ phần của Phiếu được phát. Nếu tổng số cổ phần ghi trên Phiếu không bằng với tổng số cổ phần của Cổ đông/đại diện cổ đông đó sở hữu/đại diện, cổ đông/đại diện cổ đông phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu tại thời điểm nhận phiếu.

c) Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số

cổ phần sở hữu/đại diện nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Cổ đông/đại diện cổ đông tiến hành chọn ứng cử viên bằng cách ghi trực tiếp số phiếu bầu của mình cho từng ứng cử viên mình chọn sao cho tổng cộng số phiếu bầu cho tất cả ứng cử viên mà Cổ đông chọn bằng hoặc nhỏ hơn với tổng số phiếu bầu của Cổ đông. Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của Cổ đông/đại diện Cổ đông đối với mỗi ứng cử viên. Trong trường hợp viết sai, Cổ đông/đại diện Cổ đông không được tẩy xóa mà phải yêu cầu Ban kiểm phiếu đổi lại phiếu mới.

4. Ban kiểm phiếu: gồm không quá 03 (ba) người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách ứng cử và/hoặc đề cử vào Hội đồng quản trị. Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Cổ đông về kết quả kiểm phiếu.

5. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- a) Hướng dẫn Cổ đông quy định, quy trình về bầu thay thế, bổ sung thành viên HĐQT;
- b) Phát phiếu bầu cho Cổ đông/đại diện Cổ đông;
- c) Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của Cổ đông/đại diện Cổ đông;
- d) Tổ chức kiểm phiếu;
- e) Lập Biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố kết quả trước Đại hội đồng cổ đông;
- f) Cùng Chủ tọa giải quyết các khiếu nại về bầu thành viên HĐQT (nếu có).

6. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kết quả kiểm phiếu, công bố trước Đại hội, sau đó niêm phong các phiếu bầu cử và bàn giao Biên bản kết quả kiểm phiếu, phiếu bầu cử (đã được niêm phong) cho Đoàn thư ký.

7. Ban kiểm phiếu có thể yêu cầu các chuyên viên tham gia hỗ trợ trong quá trình kiểm tra phiếu bầu thành viên HĐQT nhằm đảm bảo tiến độ kiểm phiếu.

8. Điều kiện trúng cử:

a) Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

b) Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì thành viên sở hữu số cổ phần cá nhân và thời gian nắm giữ liên tục cao hơn được chọn. Trường hợp (02) hai thành viên này sở hữu số cổ phần cá nhân và thời gian nắm giữ liên tục ngang nhau thì sẽ tiến hành bầu lại cho hai (02) ứng cử viên đó. Trường hợp kết quả bầu lại của các ứng cử viên này vẫn bằng nhau thì lựa chọn theo tiêu chí quy định về ứng cử viên cho vị trí thành viên HĐQT tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 13. Thành phần Hội đồng quản trị.

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 05 người. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị và phải có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm hoặc bị miễn nhiệm nhưng không làm tổng số thành viên hội đồng quản trị thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty và vẫn đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty thì sẽ tiếp tục duy trì hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, tạm thời không bầu bổ sung thành viên hội đồng quản trị mới cho đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên kế tiếp.

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của một thành viên HĐQT theo đúng quy chế nội bộ của HĐQT và sự phân công của HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông.

2. Tham gia bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT và các chức danh thuộc thẩm quyền bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm của HĐQT.

3. Nghiên cứu báo cáo tài chính có ý kiến hoặc yêu cầu Ban điều hành, Người điều hành khác, kiểm toán viên độc lập giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

4. Yêu cầu Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường của HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty.

5. Yêu cầu Tổng Giám đốc, các Giám đốc chức năng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các Công ty thành viên trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình, trừ những gì thuộc bí mật thương mại, bí mật kinh doanh... thì yêu cầu của thành viên phải có sự phê duyệt của Chủ tịch HĐQT;

6. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;

7. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt tại cuộc họp hoặc trong trường hợp được Chủ tịch HĐQT hỏi ý kiến bằng văn bản), trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích, để quyết định các vấn đề trong nội dung cuộc họp. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những quyết định của mình.

8. Thực hiện các quyết định, nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định pháp luật. Thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

9. Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà thành viên HĐQT nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác mà

thành viên HĐQT là người đại diện phần vốn góp của Công ty.

10. Có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

11. Có trách nhiệm giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu;

12. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

13. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

14. Ngoài các quyền và nghĩa vụ bên trên, thành viên HĐQT còn có các trách nhiệm như sau:

a) Công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Cùng với những người có liên quan của mình không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;

c) Thông báo cho HĐQT về các giao dịch giữa Công ty mẹ, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính mình hoặc với những người có liên quan của mình theo quy định của pháp luật;

d) Không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho mình hoặc người có liên quan của mình theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

e) Cùng với những người có liên quan của mình không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty (bao gồm các bí mật thương mại, bí mật kinh doanh, thông tin nội bộ...) hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan. Không được phép có những phát ngôn mang tính chất công kích, nói xấu, bôi nhọ... Công ty, Ban lãnh đạo Công ty dưới bất kỳ hình thức nào và chịu trách nhiệm pháp lý nếu các phát ngôn đó làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty và lãnh đạo liên quan.

15. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

b) Các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó có người có liên quan của thành viên HĐQT là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc cổ đông lớn.

16. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

- a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
- b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả Cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- c) Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
- d) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;
- e) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
- f) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- g) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận và các tài liệu liên quan được thông báo trước tối thiểu là 03 ngày so với ngày họp dự kiến cho các thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

2. Trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị không thể họp tập trung vì nguyên nhân khách quan, có thể tổ chức xin ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung cần Hội đồng quản trị quyết định. Việc tổ chức xin ý kiến bằng văn bản được thực hiện tương tự như tổ chức họp định kỳ. Chủ tịch hội đồng quản trị là người tiếp nhận ý kiến bằng văn bản của các thành viên hội đồng quản trị, lập biên bản ghi nhận ý kiến của từng thành viên Hội đồng quản trị, trên cơ sở đó ra nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 17. Điều kiện tổ chức họp HĐQT.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc trực tuyến.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải

được triệu tập lại trong thời hạn bảy ngày (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp và bắt buộc phải có mặt của Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty.

Điều 18. Cách thức biểu quyết.

1. Trừ quy định tại khoản 2 dưới đây, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với nội dung về các hợp đồng hoặc giao dịch mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một Hợp đồng được quy định tại điểm a và b khoản 4 sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Được Hội đồng quản trị cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch giá trị từ mười lăm phần trăm (15%) đến hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

b) Được Đại hội đồng cổ đông cho phép thực hiện đối với những hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

5. Chủ tọa cuộc họp là người quyết định đối với nội dung cần quyết định trong trường hợp thành viên hội đồng quản trị thuộc quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều này không từ bỏ quyền biểu quyết của mình trong cuộc họp Hội đồng quản trị.

6. Trường hợp số phiếu biểu quyết tương đương giữa ý kiến đồng ý và không đồng ý hoặc phát sinh mâu thuẫn trong việc quyết định đối với nội dung có liên quan đến giao dịch bán giá trị tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và/hoặc Quy chế này thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị là ý kiến quyết định hoặc có thể cân nhắc việc xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản để biểu quyết thông qua vấn đề.

Điều 19. Cách thức thông qua Nghị quyết.

3. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa

số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc có ý kiến bằng văn bản tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

4. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 20. Ghi biên bản họp HĐQT.

1. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) *Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;*
- h) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa cuộc họp, người ghi biên bản và tất cả thành viên. Trường hợp thành viên HĐQT tham dự cuộc họp theo hình thức trực tuyến chịu trách nhiệm đối với nội dung biểu quyết của mình tại cuộc họp đã được ghi nhận tại biên bản cuộc họp, đồng thời xác nhận nội dung biên bản cuộc họp qua thư điện tử đã đăng ký với Công ty.

2. Biên bản cuộc họp HĐQT phải được ghi nhận đầy đủ, trung thực nội dung cuộc họp; được thông qua ngay tại cuộc họp để thành viên HĐQT tham gia cuộc họp trực tiếp ký xác nhận vào biên bản. Thư ký cuộc họp có trách nhiệm chuyển bản sao biên bản bằng bản cứng hoặc nội dung biên bản cuộc họp đến địa chỉ, thư điện tử đã đăng ký với Công ty của thành viên HĐQT tham dự cuộc họp thông qua hình thức trực tuyến. Trong thời hạn 24h kể từ khi nhận được bản sao biên bản cuộc họp hoặc nội dung biên bản cuộc họp HĐQT qua thư điện tử, thành viên HĐQT có trách nhiệm xác nhận ý kiến của mình tại cuộc họp đã ghi nhận tại biên bản cuộc họp. Quá thời hạn nêu trên mà thành viên HĐQT không có ý kiến phản hồi thì phiếu biểu quyết của thành viên đó được hiểu là phiếu tán thành.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải

được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 21. Thông báo Nghị quyết của HĐQT.

Thực hiện công bố thông tin về Nghị quyết Hội đồng quản trị theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 22. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.

Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị và sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông được triệu tập gần nhất tiếp theo trong các trường hợp sau:

- a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
- c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e) Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 23. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.

1. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm (trừ trường hợp hết nhiệm kỳ), bãi nhiệm thành viên HĐQT được thông báo cho người được bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm bằng cách trao trực tiếp quyết định cho người đó hoặc gửi thư đảm bảo đến địa chỉ của người đó đã được đăng ký với Công ty.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm (trừ trường hợp hết nhiệm kỳ), bãi nhiệm thành viên HĐQT được thông báo cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty trên website Công ty hoặc theo hình thức gửi quyết định thông báo.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được công bố thông tin cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Công ty theo trình tự và quy định của Pháp luật hiện hành.

4. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Thành phần và Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát.

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người và nhiều nhất là 04 người.

2. Trường hợp có thành viên Ban kiểm soát từ nhiệm hoặc bị miễn nhiệm nhưng vẫn đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty thì sẽ tiếp tục duy trì hoạt động bình thường của Ban kiểm soát, không bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát mới cho đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 6 Điều 39 Điều lệ Công ty.

Điều 25. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát; Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát và thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí kiểm soát viên:

a) Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.

- Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên;
- từ 20% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;
- từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên;
- từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên;
- từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên;
- từ 60% (sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên;
- từ 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên theo quy định.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến

hành đề cử.

2. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát và thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát: tương tự như đối với thành viên HĐQT.

Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, và trong thời gian này ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - c) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;
 - d) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật này và Điều lệ Công ty;
 - c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG V

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 27. Các tiêu chuẩn về người điều hành doanh nghiệp.

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.

2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mãn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 28. Tổng giám đốc.

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo

thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào quy định của Điều lệ Công ty, quy định của Luật Doanh nghiệp, Quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Công ty.

Điều 29. Việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác.

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

2. Công ty ký hợp đồng lao động với Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật lao động.

3. Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

4. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS, TGD

Điều 30. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Thủ tục, trình tự, triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Quy chế này.

Điều 31. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.

Các Nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ký.

Điều 32. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng Giám đốc.

1. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng Giám đốc.

a. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHCĐ thường niên, HĐQT phải

thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.

b. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, cán bộ điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty để phục vụ cho công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

c. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mà được Tổng Giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.

d. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.

2. Phối hợp giữa Tổng Giám đốc và HĐQT

a) Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả;

b) Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

c) Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

d) Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động là cán bộ quản lý;

e) Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày.

Điều 33. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.

Tổng giám đốc, hoặc đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu HĐQT họp bất thường, chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại

xây ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở trên có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp trong trường hợp này như đối với cuộc họp định kỳ.

Điều 34. Báo cáo của Tổng giám đốc đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

- a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
- b) Kế hoạch thực hiện kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c) Báo cáo các nội dung TGD được quyết định theo thẩm quyền của TGD tại Điều lệ Công ty.

Điều 35. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý cấp cao phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp, hợp tác trong quá trình làm việc để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Công ty.

Tất cả thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến nhưng vẫn phải thực hiện theo các quyết định đã được người có thẩm quyền phê duyệt một cách hợp pháp.

CHƯƠNG VII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan

của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận và thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính.

Điều 37. Giao dịch với Cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ đông là cá nhân và người có liên quan của Cổ đông đó.

2. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận đối với giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị lớn hơn 20% trở lên tổng giá trị tài sản Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.

3. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại khoản 2 Điều này có giá trị từ 15% đến 20% tổng giá trị tài sản Công ty và các Chi nhánh của Công ty được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

Điều 38. Trách nhiệm thiệt hại và bồi thường.

1. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự vận can và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một

bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành doanh hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG VIII

ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KSV, TGD

Điều 39. Đánh giá đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật với thành viên HĐQT.

Định kỳ hàng năm, Hội đồng quản trị phải tiến hành đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT căn cứ theo thái độ và trách nhiệm, hiệu quả thực hiện các công việc được phân công và theo ý kiến đánh giá của Ban Kiểm soát.

Kết quả đánh giá đối với thành viên HĐQT phải báo cáo Đại hội Cổ đông trong cuộc họp gần nhất.

Điều 40. Đánh giá đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật với thành viên BKS.

Định kỳ hàng năm, Ban kiểm soát phải tiến hành đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên BKS căn cứ theo thái độ và trách nhiệm, hiệu quả thực hiện các công việc được phân công.

Kết quả đánh giá đối với thành viên BKS phải báo cáo Đại hội cổ đông trong cuộc họp gần nhất

Điều 41. Đánh giá đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật với Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác.

Định kỳ hàng năm, Hội đồng quản trị phải tiến hành đánh giá kết quả hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm trên cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm, có tham khảo ý kiến của Ban kiểm soát.

Kết quả đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và các CBQL khác được sử dụng làm căn cứ để Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xem xét mức khen thưởng, mức thù lao hàng năm cho HĐQT, BKS và Ban điều hành.

CHƯƠNG IX

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 42. Tiêu chuẩn, bổ nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty.

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Công ty.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị Công ty:
 - a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT, trừ trường hợp các thông tin thuộc bí mật kinh doanh, thông tin cạnh tranh... làm ảnh hưởng đến giá trị, uy tín của Công ty;
 - g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.

